TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6069/CT-TTHT
V/v chính sách thuế GTGT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp Narime
(Đ/c: Tòa nhà Narime, số 4 đường Phạm Văn Đồng, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội)
MST: 0102721674

Trả lời công văn số 11/18/2018-CV ngày 25/12/2018 và công văn bổ sung công văn số 02/2019-CV ngày 21/01/2019 của Công ty cổ phần kỹ thuật Narime (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế GTGT, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 20 Điều 5 Luật thuế GTGT hợp nhất số 01/VBHN-VPQH ngày 28/4/2016, quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

"20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau."

- Căn cứ Điều 27, Điều 30 Luật Thương mại số 36/2005/AH11 ngày 14/06/2005 quy định:

"Điều 27. Mua bán hàng hóa quốc tế

Mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu."

"Điều 30. Chuyển khẩu hàng hóa

1. Chuyển khẩu hàng hóa là việc mua hàng từ một nước, vùng lãnh thổ để bán sang một nước, vùng lãnh thổ ngoài lãnh thổ Việt Nam mà không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và không làm thủ tục xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.

2. Chuyển khẩu hàng hóa được thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam;"

VBLIS24.COM
www.vbls24.com.vn

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định như sau:

+ Tại Điều 4 quy định đối tượng không chịu thuế GTGT:

"20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài."

+ Tại khoản 1, Điều 9 quy định về thuế suất 0%.

"Điều 9. Thuế suất 0%.

1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

...

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

... Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở ngoài Việt Nam nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất 0% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí.

Cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ là người nộp thuế tại Việt Nam phải có tài liệu chứng minh dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam".

+ Tại khoản 2, Điều 9 quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0%.

"2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng ủy thác xuất khẩu;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.

Riêng đối với trường hợp hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, cơ sở kinh doanh (bên bán) phải có tài liệu chứng minh việc giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: hợp đồng mua hàng hóa ký với bên bán hàng hóa ở nước ngoài; hợp đồng bán hàng hóa ký với bên mua hàng; chứng từ chứng minh hàng hóa được giao, nhận ở ngoài Việt Nam như: hóa đơn thương mại theo thông lệ quốc tế, vận đơn, phiếu đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ...; chứng từ thanh toán qua ngân hàng gồm: chứng từ qua ngân hàng của cơ sở kinh doanh thanh toán cho bên bán hàng hóa ở nước ngoài; chứng từ thanh toán qua ngân hàng của bên mua hàng hóa thanh toán cho cơ sở kinh doanh

...

b) Đối với dịch vụ xuất khẩu:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan;

- Có chứng từ thanh toán tiền dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

Riêng đối với dịch vụ sửa chữa tàu bay, tàu biển cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, để được áp dụng thuế suất 0%, ngoài các điều kiện về hợp đồng và chứng từ thanh toán nêu trên, tàu bay, tàu biển đưa vào Việt Nam phải làm thủ tục nhập khẩu, khi sửa chữa xong thì phải làm thủ tục xuất khẩu..."

+ Tại Điều 11 quy định thuế suất 10%:

"Điều 11. Thuế suất 10%

Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.."

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng mua các thiết bị truyền động của Công ty FLSmidth Wiesbaden GmbH ở Đức, giao hàng tại cảng Hamburg, Đức. Tuy nhiên, Công ty không nhập khẩu về Việt Nam mà ký hợp đồng bán cung cấp các thiết bị truyền động này (gồm có các thiết bị và dịch vụ kỹ thuật kèm theo nhưng không tách rời) cho đối tác CHALIECO'S Office For Vietnamese Project - là đại diện của Công ty China Aluminum International Enginerring Coporation Limited (sau đây gọi là CHALIECO) tại Trung Quốc; giao

hàng tại cảng Hamburg, Đức. Sau đó, các thiết bị này được CHALIECO bán cho Tập đoàn than Khoáng sản Việt Nam với điều kiện cảng nhận hàng là cảng Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh thì:

Hoạt động thực hiện mua - bán các thiết bị truyền động (không đi kèm dịch vụ kỹ thuật) của Công ty với các đối tác tại Đức và Trung Quốc là hoạt động kinh doanh chuyển khẩu không qua cửa khẩu Việt Nam và không phải làm thủ tục hải quan, nên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 20 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC nêu trên.

Đối với dịch vụ kỹ thuật kèm theo các thiết bị truyền động mà Công ty cung cấp cho Chalieco tại Trung Quốc, dịch vụ không được thực hiện tại Việt Nam; thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC. Trường hợp dịch vụ nêu trên được thực hiện tại Việt Nam, thì thuộc đối tượng chịu thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty cổ phần kỹ thuật công nghiệp Narime được biết và thực hiện./.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- CCT Cầu Giấy;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2).

Mai Sơn

VBPL-TS24.COM
www.TS24.com.vn